

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Phương;
- *Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hằng và ông Vũ Văn Tú;
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Công Bình - Thư ký Tòa án;
- *Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk:* Ông Vũ Đình T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2022 TAND tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 239/2022/TLPT-HS ngày 04/10/2022 do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 208/2022/HS-ST ngày 29/7/2022 của TAND TP Buôn Ma Thuột.

**** Các bị cáo kháng cáo:***

1. Nguyễn Thị Vy T, sinh ngày 16/02/1978 tại Đắk Lắk; nơi cư trú: Số nhà 106/1 Lê Duẩn, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân A, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Kim C (đã chết); bị cáo chưa có chồng, có con nuôi; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/8/2021 đến ngày 04/3/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay: Có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Thị Tuyết M, sinh ngày 06/7/1969 tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn Tiến Cường, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh P (đã chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1947; bị cáo có chồng là Nguyễn Quốc L, sinh năm 1969 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/8/2021 đến ngày 04/3/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đến nay: Có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Văn T1, sinh ngày 07/02/1980 tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 106/1 Lê Duẩn, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số nhà 136/20 Vạn Xuân, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn G, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hạ N, sinh năm 1982; bị cáo có 02 con, con

lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/8/2021 đến ngày 07/10/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay: Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/6/2021 Nguyễn Thị Hoàng O gọi điện cho Nguyễn Thị Vy T – là chỗ quen biết qua quan hệ xã hội, nhờ tìm người có thẩm quyền giúp O không bị xử lý về hành vi đánh bạc, T nhận lời. T gọi điện cho Đỗ Văn T1 – là em rể nhờ giúp. T1 đồng ý rồi liên hệ với Đỗ Thị Thu H – là chị họ để nhờ tiếp. H liên hệ với người quen là Huỳnh Thị Tuyết M để nhờ tiếp. Mặc dù Nguyễn Thị Vy T, Đỗ Văn T1, Đỗ Thị Thu H và Huỳnh Thị Tuyết M không phải người có chức vụ, quyền hạn, thẩm quyền, không có khả năng giúp cho Nguyễn Thị Hoàng O không bị xử lý về hành vi đánh bạc nhưng đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của O. Cụ thể như sau:

Khi Đỗ Thị Thu H liên hệ nhờ Huỳnh Thị Tuyết M thì M tự nghĩ ra và nói với H là giúp được cho O nhưng phải lo chi phí cho người có thẩm quyền với số tiền 150.000.000 đồng. H nói lại với Đỗ Văn T1 là giúp được cho O và phải lo chi phí với số tiền là 150.000.000 đồng. Nghe H nói vậy, T1 nói với H là để T1 báo với O là giúp được cho O, chi phí với số tiền 170.000.000 đồng để H được hưởng lợi 20.000.000 đồng thì H đồng ý. Sau khi thống nhất với H, T1 nói với Nguyễn Thị Vy T là giúp được cho O nhưng phải lo chi phí với số tiền 250.000.000 đồng, trong đó T1 và T có phần tiền được hưởng lợi nhưng không nói cụ thể là bao nhiêu thì T đồng ý rồi liên hệ, nói với O là giúp được cho O không bị xử lý về hành vi đánh bạc, với số tiền 250.000.000 đồng.

O tin tưởng thông tin T nói là thật nên liên hệ với chồng là anh Nguyễn Như H1 và nói H1 chuẩn bị tiền đưa cho T giúp cho O không bị xử lý về hành vi đánh bạc. Sau đó, H1 và O gom góp tiền cá nhân, vay thêm tiền của người thân được số tiền 350.000.000 đồng rồi H1 đưa cho chị ruột là bà Nguyễn Thị Như H2 cầm giúp và nói H2 đưa số tiền 250.000.000 đồng (từ tổng số tiền 350.000.000 đồng) cho T để T lo giúp cho O không bị xử lý về hành vi đánh bạc. Bà H2 đồng ý và giữ tiền, đến ngày 27/6/2021, O liên lạc nói T đến nhà của bà H2 rồi bà H2 đưa số tiền 250.000.000 đồng cho T. Sau khi nhận tiền, T đến nhà của T1 và đưa toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng cho T1 thì T1 chia cho T 30.000.000 đồng, T1 giữ lại 50.000.000 đồng rồi chuyển cho H 170.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng Quân đội (MB Bank), số tài khoản 0938207368 của T1 sang tài khoản Ngân hàng Quân đội, số tài khoản 0000119507777 của H, vào ngày 28/6/2021.

Sau khi nhận tiền từ Đỗ Văn T1, Đỗ Thị Thu H chưa đưa tiền như thỏa thuận cho Huỳnh Thị Tuyết M thì lúc này M biết được thông tin vụ án mà Nguyễn Thị Hoàng O liên quan là vụ án lớn, nên tự nghĩ ra và nói với H cần phải đưa thêm tiền để được tổng số tiền 250.000.000 đồng mới giúp được cho O. H đã được hưởng lợi số tiền 20.000.000 đồng từ tổng số tiền 170.000.000 đồng nhận từ T1 trước đó nhưng khi nghe M nói vậy và muốn được hưởng lợi thêm nên H liên lạc với T1 để T1 nói với O phải đưa thêm số tiền 110.000.000 đồng nhưng không cho T1 biết H tự nâng tiền lên để được hưởng lợi số tiền 10.000.000 đồng trong số tiền đưa thêm. Sau đó, T1 đưa ra thông tin gian dối, nói với Nguyễn Thị Vy T: *“Chị ơi, đồng chí này bị nặng lắm, hồ sơ của nó bên hình sự đã lập thành chuyên án 02 năm nay rồi, nếu bị bắt là phải đi mấy năm đó, bên hình sự nó đòi phải thêm tiền nó mới chịu, chị hỏi nó xem nó có chịu không, không thì họ trả lại tiền cho nó thôi; nếu đồng ý thêm tiền đưa cho người ta chiều nay luôn thì sáng M được về”* và nói T nói với O phải đưa thêm số tiền 110.000.000 đồng.

Khi nghe T1 nói vậy, T liên lạc và nói với O là vụ của O nặng lắm, phải đưa thêm số tiền 150.000.000 đồng (trong đó 40.000.000 đồng là tiền T tự báo nâng lên nhưng không cho T1 biết) mới giúp được thì O tin tưởng nên đồng ý rồi liên hệ với H1 vay mượn được số tiền 50.000.000 đồng tiếp tục đưa cho H2 để H2 đưa cho T. Đến ngày 30/6/2021, O liên hệ nói T đến nhà của H2, rồi H2 đưa thêm cho T số tiền 130.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng thì O hẹn sẽ đưa cho T sau. Sau khi nhận tiền, T lấy 20.000.000 đồng giữ lại tiêu xài cá nhân, rồi nộp số tiền 110.000.000 đồng vào tài khoản số 0938207368 tại Ngân hàng Quân đội của T1. T1 nhận tiền từ T rồi chuyển cho H số tiền 110.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Quân đội của H theo số tài khoản 0000119507777. Sau 02 lần nhận tổng số tiền 280.000.000 đồng từ T1, H giữ lại số tiền 60.000.000 đồng (trong đó H chiếm đoạt 30.000.000 đồng) rồi nói với M là sẽ gửi trước cho M số tiền 220.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng còn lại khi nào giúp xong việc cho O, H sẽ đưa sau thì M đồng ý. Sau đó, vào ngày 01/7/2021, M mượn tài khoản Ngân hàng BIDV, số 63110000422320 của bạn là bà Nguyễn Thị Thúy đưa cho H, rồi H chuyển cho M số tiền 220.000.000 đồng thông qua số tài khoản của Thúy. Khi cho M mượn số tài khoản, bà Thúy không biết việc nhận tiền là để giúp cho O không bị xử lý về hành vi đánh bạc.

Sau khi được bà Nguyễn Thị Thúy báo lại là đã nhận số tiền 220.000.000 đồng vào tài khoản, do có quen biết với ông Nguyễn Hồng K (làm việc tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk) nên Huỳnh Thị Tuyết M liên lạc với ông K để hỏi về việc của O, nhưng M không đề cập cụ thể việc nhờ ông K giúp cho O không bị xử lý về hành vi đánh bạc mà chỉ hỏi là có giúp được gì cho O hay không. Trong thời gian này, do O hỏi T có giúp được cho O hay không thì Nguyễn Thị Vy T, Đỗ Văn T1, Đỗ Thị Thu H tiếp tục đưa ra các thông tin gian dối để tạo lòng tin cho O

là đã liên hệ được với người có thẩm quyền để giúp cho O, cụ thể: Theo lời khai của H thì H tự nghĩ ra một số điện thoại ngẫu nhiên lưu tên thành “Bác K Vks”, H giả vờ gọi vào số điện thoại trên rồi chụp màn hình nhật ký cuộc gọi gửi cho Đỗ Văn T1 nói là H vừa trực tiếp gọi điện thoại cho ông K để xin cho O, nhưng thực tế H không quen biết ông K và cũng không liên lạc với ông K; theo lời khai của Đỗ Văn T1 thì T1 tự nghĩ ra thông tin rồi nói với Nguyễn Thị Vy T là T1 liên hệ với người bên Viện kiểm sát nhưng Viện kiểm sát đang họp nên chưa liên hệ với bên Công an được; còn theo lời khai của Nguyễn Thị Vy T thì T tự nghĩ ra thông tin gian dối và nói với O: *“Các sếp đang họp để chốt hồ sơ nào nhận tiền và hồ sơ nào trả tiền”, “em biết vụ em nặng lắm không, chiều nay họp trực tuyến công an và viện kiểm sát để ra quyết định và phát lệnh bắt các đối tượng liên quan còn lại, em là may mắn rồi đó, lo sạch sẽ như vậy, em về thì cứ đi hỏi, không dưới 500tr đâu”*.

Đến chiều ngày 02/7/2021, T, T1 và M hẹn gặp O tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, rồi M dẫn O đến phòng làm việc của ông K còn T, T1 ở bên ngoài đợi. Khi M dẫn O đi đến phòng làm việc của ông K còn có bà Nguyễn Thị Thúy đi cùng nhưng Thúy không biết việc M dẫn O đi gặp ông K làm gì. Khi vào phòng làm việc gặp, ông K không hứa hẹn sẽ giúp gì cho O, nói O đi ra ngoài và nói với M là khi nào cơ quan Công an triệu tập thì O phải ra trình diện làm việc. Sau đó, M cùng T1, T và O hẹn gặp nhau ở một quán cà phê trên đường Lý Nam Đế, thành phố B, mặc dù ông K không hứa hẹn giúp cho O nhưng tại quán cà phê M nói với O là đã lo được cho O không bị xử lý về hình sự và không phải trốn tránh nữa, rồi tất cả đi về. Sau khi rời khỏi quán cà phê, O và T cùng nhau đi về nhà O rồi O đưa thêm cho T số tiền 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước đó. Đến ngày 06/8/2021, Nguyễn Thị Hoàng O bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột triệu tập làm việc để làm rõ về hành vi đánh bạc với Ngô Xuân N. Lúc này, O nghi ngờ bị nhóm của T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng nên làm đơn tố giác sự việc nêu trên.

Tại cấp sơ thẩm, Huỳnh Thị Tuyết M tự nguyện giao nộp số tiền 220.000.000 đồng, Nguyễn Thị Vy T tự nguyện nộp 10.000.000 đồng, Đỗ Văn T1 tự nguyện nộp 10.000.000 đồng, Đỗ Thị Thu H tự nguyện nộp 60.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Bản án hình sự sơ thẩm số 208/2022/HSST ngày 29/7/2022 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Vy T: 08 năm tù; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M 7 năm 6 tháng tù; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 07 năm tù. Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật

chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02 và ngày 05/8/2022, các bị cáo Nguyễn Thị Vy T, Huỳnh Thị Tuyết M và Đỗ Văn T1 kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm: Nguyễn Thị Vy T tiếp tục khắc phục hậu quả 60.000.000 đồng, Đỗ Văn T1 40.000.000 đồng. Bị hại Nguyễn Thị Hoàng O làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tại cấp phúc thẩm, các bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại đã xảy ra, được bị hại Nguyễn Thị Hoàng O làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin cho các bị cáo được hưởng án treo – đây là tình tiết mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự thẩm số 208/2022/HSST ngày 29/7/2022 về hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Vy T từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù, bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù, bị cáo Đỗ Văn T1 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 6/2021 đến đầu tháng 7/2021, các bị cáo Nguyễn Thị Vy T, Huỳnh Thị Tuyết M, Đỗ Văn T1 và Đỗ Thị Thu H không phải người có chức vụ, quyền hạn và không liên hệ với người có chức vụ, quyền hạn đã nhận lời để giúp chị Nguyễn Thị Hoàng O không

bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật. Các bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị các lần nhận tiền là 400.000.000 đồng của Nguyễn Thị Hoàng O. Căn cứ vào số tiền cộng dồn từng lần, từng bị cáo đã thừa nhận và nhận, tất cả các bị cáo phải chịu chung hậu quả tổng giá trị các lần nhận tiền là 400.000.000 đồng của Nguyễn Thị Hoàng O. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tại cấp sơ thẩm đã khắc phục một phần thiệt hại xảy ra. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Vy T, Đỗ Văn T1 đã khắc phục toàn bộ thiệt hại xảy ra và được bị hại Nguyễn Thị Hoàng O làm đơn bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Ngoài ra, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Vy T cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn, là mẹ đơn thân, một mình nuôi cha đẻ là Cựu chiến binh, già yếu, không có khả năng lao động. Bị cáo Đỗ Văn T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ có ông ngoại Nguyễn Văn R là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến trong chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo phạm tội lần đầu, đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, cần phân hóa vị trí, vai trò của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt và điều kiện chấp hành hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, số tiền phạm tội của từng bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, bị cáo T là đối tượng khởi xướng, bị cáo M là đối tượng tích cực thực hiện do đó cần có hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Bị cáo T1 là đối tượng có vai trò thứ yếu trong vụ án, có nơi cư trú rõ ràng và nghề nghiệp ổn định, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội chịu sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Từ những nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại

phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 208/2022/HSST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[3] Về án: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm .

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Vy T, Huỳnh Thị Tuyết M, Đỗ Văn T1 – Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 208/2022/HSST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Vy T: 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 07/8/2021 đến ngày 04/3/2022.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Tuyết M: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 07/8/2021 đến ngày 04/3/2022.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm;

Giao bị cáo Đỗ Văn T1 cho Ủy ban nhân dân phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đỗ Văn T1 vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Đỗ Văn T1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo Đỗ Văn T1 thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Đỗ Văn T1 phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trường hợp bị cáo Đỗ Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Vy T, Huỳnh Thị Tuyết M và Đỗ Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TAND Tối cao;
- Viện KSND CC tại ĐN;
- TAND Cấp cao tại ĐN;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- CC THADS TP B;
- CQ THAHS CATP Buôn Ma Thuột.
- Các bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Phương